

Số: 23 /QĐ-STNMT

Kon Tum, ngày 11 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính;

Xét đề nghị của Văn phòng Đăng ký đất đai tại Tờ trình số 46/TTr – VPĐKĐĐ, ngày 08/01/2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 16 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp trên địa bàn thành phố Kon Tum (có danh sách kèm theo).

Lý do thu hồi Giấy chứng nhận: Thu hồi đưa vào lưu trữ cùng hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi thực hiện biến động đất đai.

Điều 2. Chánh Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kon Tum và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Trung tâm CNTT TN&MT(đăng tin);
- Lưu: VT, VPĐKĐĐ.

 **GIÁM ĐỐC**
PHÓ GIÁM ĐỐC


A BYOT

DANH SÁCH THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN QSD ĐẤT, QSH NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-STNMT, ngày / 01 / 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị kiểm tra: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kon Tum

Đơn vị thực hiện: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Kon Tum.

STT	Chủ sử dụng đất	Số phát hành GCN	Ngày cấp GCN	Vị trí đất	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Ghi chú
1	Hộ Nguyên Văn Tông-Lê Thị Tho	Đ 506140	17/5/2004	Ngô Mây	47	21	8162	ĐRM	
2	Nguyễn Hồng Sơn	C 414422	25/7/1994	Nguyễn Trãi	1	3	300	ODT	
3	Nguyễn Thị Nà	C 414439	25/7/1994	Nguyễn Trãi	102	3	221	ODT	
4	Bùi Ngọc Thời - Phạm Thị Lan	BK 266733	13/5/2013	Ia Chim	492	34	676	ONT(400)+HNK(276)	
5	Hộ Huỳnh Nghĩa-Phạm Thị Đỗ	AG 429556	24/10/2006	Lê Lợi	3	19	529	ODT(200)+HNK(329)	
6	Nguyễn Hữu Hòe-Hoàng Thị Nga	BR 186420	29/01/2015	Ia Chim	903	35	403.8	ONT(157.5)+HNK(246.3)	
7	Phạm Đình Cung	C 414394	13/10/1994	Lê Lợi	260	3	136	ODT	
8	Lê Thị Thanh	BH 491086	07/06/2012	Thông Nhất	19	25	1399.9	ODT(1391.3)+HNK(8.6)	
9	Đặng Quốc Dũng-Đặng Thị Bích Hải	CV 512627	29/6/2020	Lê Lợi	196	10	715.5	HNK	
10	Phan Kỳ	BK 041930	07/01/2013	Ia Chim	829	35	1846	ONT(171.8)+HNK(1674.2)	
11	Đặng Quốc Huy-Gia Thị Liễu	AP 999000	25/7/2009	Đắk Rơ Wa	149	2	369.5	ONT(100)+HNK(269.5)	
12	Hộ ông A Mis	T 932959	26/9/2001	Đắk Rơ Wa	34+65	6+7	3709	ONT(800)+HNK(1909)	
13	Lê Đình Dũng	BH 544016	31/01/2012	Ngô Mây	47	56	10144	ODT(300)+HNK(9844)	
14	A Hlun - Y Nuh	CP 805434	04/12/2018	Chư Hreng	115	4	5240.3	HNK	
15	Hộ bà Võ Thị Mỹ	X 269215	03/09/2003	Thắng Lợi	62	57	452.5	TC	
16	Trần Văn Nhận-Lê Thị Tôn	X 269937	11/09/2003	Thắng Lợi	24	44	2342	TC KTV	